

Bản án số: 89/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Hưng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**.
2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân HUYỆN Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Phan Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân HUYỆN Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 793/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Phú H**, sinh năm: 1975. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: D16/8C ấp 4B, xã V, HUYỆN Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nơi cư trú: Số 341 Sư Vạn Hạnh, phường M, quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1975. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: D16/8C ấp 4B, xã V, HUYỆN Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ông Phạm Phú H trình bày: Ông **Phạm Phú H** và Bà **Nguyễn Thị H** bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2000 do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, HUYỆN T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 06/12/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2004 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng ông H không nộp đơn xin ly hôn vì con chung của vợ chồng còn quá nhỏ. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hòa hợp, trong

cuộc sống vợ chồng thường hay cãi nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Ông H và bà H chung sống với nhau có một con chung là trẻ Phạm Phú H, sinh ngày 08/12/2001, giới tính: nam. Khi ly hôn ông H đồng ý giao trẻ H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông H cấp dưỡng nuôi trẻ H mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác nhận không có.

Tại bản tự khai ghi ngày 24/4/2018, bị đơn Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Phú Hquen biết nhau từ năm 1997 và bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2000 do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, HUYỆN T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 06/12/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên từ sau khi sinh con thì vợ chồng luôn luôn gây sự với nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, có nhiều hiềm khích và bất hòa không thể nào hàn gắn được. Bà H cho rằng ông H là một người vô tâm, không có trách nhiệm với vợ và con. Trong thời gian chung sống với nhau đã có lần bà H không chịu đựng được những việc làm và lời nói của ông H nên bà H đã đưa con về sống chung với mẹ tại thành phố Huế. Sau đó vợ chồng lại về chung sống với nhau vì ông H đã nhận ra những hành vi sai trái của mình, tuy nhiên sau đó thì ông H vẫn không thay đổi bởi lẽ ông H là một người độc tài, gia trưởng, tính tình lạnh lùng và vô cảm. Sau khi vợ chồng về sống chung một thời gian thì ông H tiếp tục mắng chửi nên bà H phải ra ngoài thuê nhà để ở riêng. Do hiện nay ông H đã quen biết một người phụ nữ khác nên bà H cũng đồng ý ly hôn với ông H để thoát khỏi nỗi khổ đau và bất hạnh này.

Về con chung: Bà H và ông H chung sống với nhau có một con chung là trẻ Phạm Phú H, sinh ngày 08/12/2001, giới tính: nam. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi trẻ H mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận không có.

Bà H và ông H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Phú H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Phạm Phú H nộp đơn xin ly hôn với Bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H cư trú tại địa chỉ D16/8C ấp 4B, xã V, HUYỆN Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân HUYỆN Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Phạm Phú H và Bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 230 do Ủy ban nhân dân xã C, HUYỆN T, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06/12/2002 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Ông Phạm Phú H và Bà Nguyễn Thị H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà H để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của ông H hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của ông H và bà H thì quan hệ vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, trong thời gian chung sống với nhau thì vợ chồng không hạnh phúc và thường xuyên cãi nhau. Do vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên hiện nay ông H và bà H không còn chung sống với nhau nữa. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại công văn trả lời xác minh tình trạng hôn nhân số 673/UBND ngày 21/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã V, HUYỆN Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và không hòa hợp. Ông H và bà H sống ly thân với nhau được gần ba năm và hai bên ít trao đổi các vấn đề liên quan với nhau. Giữa ông H và bà H có một con chung là trẻ H, hiện tại trẻ H đang sống chung với bà H tại địa chỉ D16/8C ấp 4B, xã V, HUYỆN Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi trẻ H và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án thì ông H và bà H đều có nguyện vọng được ly hôn, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Phạm Phú H đối với Bà Nguyễn Thị H.

[4] Về con chung: Ông Phạm Phú H và Bà Nguyễn Thị H đều xác nhận vợ chồng có một con chung là trẻ Phạm Phú H, sinh ngày 08/12/2001, giới tính: nam.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của trẻ H và trẻ H có nguyện vọng được sống chung với bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông H và bà H đều thống nhất sau khi ly hôn thì bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H và ông H cấp dưỡng nuôi trẻ H mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Do ông H và bà H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Do ông H và bà H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Phạm Phú H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn và Ông Phạm Phú H phải chịu án dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông Phạm Phú H đối với Bà Nguyễn Thị H.

Ông Phạm Phú H được ly hôn với Bà Nguyễn Thị H. Giấy chứng nhận kết hôn số 230 do Ủy ban nhân dân xã C, HUYỆN T, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06/12/2002 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Phạm Phú H, sinh ngày 08/12/2001, giới tính: nam cho Bà Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Phạm Phú H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Bà Nguyễn Thị H nuôi trẻ Phạm Phú H mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Các đương sự thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 (mười lăm) tây hàng tháng, thời gian thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ H trưởng thành đủ 18 tuổi.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp ông H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì bà H có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành hành việc ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ông Phạm Phú H có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông Phạm Phú H và Bà Nguyễn Thị H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Phạm Phú H và Bà Nguyễn Thị H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Phạm Phú H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và Ông Phạm Phú H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông H đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0022358 ngày 05/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự HUYỆN Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Phú H còn phải nộp bổ sung số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND HUYỆN BC;
- Chi cục THADS HUYỆN BC;
- UBND xã C, HUYỆN T,
tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trọng Hưng